CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 150/2018/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2018*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 4110
Ngày: 13/11/18
TTCBTH
Chuyển:

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Điều 1. Sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản như sau:

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:

"a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện bằng tiếng Việt (trường hợp hồ sơ bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng) gửi Bộ Thông tin và Truyền thông gồm có: Đơn đề nghị cấp giấy phép; văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài xác nhận nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm đang hoạt động hợp pháp tại

nước đặt trụ sở chính; bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp đại học trở lên, phiếu lý lịch tư pháp và sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam của người đứng đầu văn phòng đại diện do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;"

b) Sửa đổi điểm b khoản 1 như sau:

"b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Trường hợp nộp hồ sơ qua mạng Internet hoặc qua dịch vụ bưu chính nhưng không đúng mẫu hoặc không đủ thành phần theo quy định, trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Xuất bản, In và Phát hành) phải thông báo, hướng dẫn chi tiết cho nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài qua một trong các hình thức sau: điện thoại, thư điện tử hoặc fax.

Giấy phép thành lập văn phòng đại diện có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm."

2. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 7 như sau:

"c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp lại, gia hạn giấy phép; trường hợp không cấp lại, gia hạn giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do."

3. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 8 như sau:

"a) Trụ sở của nhà xuất bản có diện tích phù hợp, đáp ứng quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc;"

4. Sửa đổi khoản 1 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:

"a) Trước khi bổ nhiệm tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản, cơ quan chủ quản phải có hồ sơ gửi Bộ Thông tin và Truyền thông. Hồ sơ gồm có: Văn bản đề nghị chấp thuận bổ nhiệm; sơ yếu lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp đại học trở lên của nhân sự dự kiến bổ nhiệm;"

b) Sửa đổi điểm c khoản 1 như sau:

"c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chủ quản nhà xuất bản, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản."

5. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 13 như sau:

"b) Đối với tài liệu chứng minh về mặt bằng sản xuất: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hay các loại giấy tờ khác chứng minh về việc giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng để sản xuất."

6. Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi điểm b khoản 2 như sau:

"b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do."

b) Sửa đổi điểm b khoản 3 như sau:

"b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do."

7. Sửa đổi Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:

"a) Có máy chủ đặt tại Việt Nam;"

b) Sửa đổi khoản 2 như sau:

"2. Tiêu chuẩn về nhân lực kỹ thuật để điều hành, quản lý quá trình xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 45 Luật xuất bản, cụ thể như sau:

Được đào tạo về công nghệ thông tin."

c) Sửa đổi điểm b khoản 3 như sau:

"b) Có giải pháp kỹ thuật chống xâm nhập trái phép qua hệ thống mạng Internet;"

8. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 18 như sau:

"b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm kiểm tra việc triển khai đề án và có văn bản xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; trường hợp không xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do;"

9. Bãi bỏ một số khoản, điểm của Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản như sau:

a) Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 6;

b) Bãi bỏ khoản 3 Điều 8;

c) Bãi bỏ điểm b, c, e khoản 1 Điều 17;

d) Bãi bỏ điểm a khoản 3 Điều 17;

đ) Bãi bỏ khoản 5 Điều 17.

Điều 2. Sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng như sau:

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 23a như sau:

"2. Có ít nhất 01 nhân sự quản lý nội dung thông tin và 01 nhân sự quản lý kỹ thuật."

2. Sửa đổi một số khoản của Điều 23b như sau:

a) Sửa đổi khoản 3 như sau:

"3. Trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội của cùng tổ chức, doanh nghiệp không được sử dụng cùng tên miền có dãy ký tự giống nhau (bao gồm cả tên miền thứ cấp, ví dụ: forum.vnn.vn, news.vnn.vn là tên miền có dãy ký tự khác nhau)."

b) Sửa đổi khoản 4 như sau:

"4. Tên miền phải tuân thủ quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet. Đối với tên miền quốc tế phải có xác nhận sử dụng tên miền hợp pháp."

3. Sửa đổi một số khoản của Điều 32a như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

"1. Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được."

b) Sửa đổi khoản 2 như sau:

"2. Có ít nhất 01 nhân sự quản trị trò chơi điện tử."

4. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 33 như sau:

"b) Có ít nhất 01 nhân sự quản trị trò chơi điện tử."

5. Bãi bỏ một số khoản, điểm của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ

sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng như sau:

a) Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 14;

b) Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 15;

c) Bãi bỏ khoản 2 Điều 32b;

d) Bãi bỏ khoản 3 Điều 32d;

đ) Bãi bỏ điểm e khoản 4 Điều 32d;

e) Bãi bỏ khoản 4 Điều 33.

Điều 3. Bãi bỏ một số điều, khoản của Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước như sau:

1. Bãi bỏ khoản 1 Điều 60.

2. Bãi bỏ Điều 61.

3. Bãi bỏ Điều 62.

4. Bãi bỏ Điều 63.

5. Bãi bỏ Điều 64.

6. Bãi bỏ Điều 65.

7. Bãi bỏ Điều 66.

8. Bãi bỏ Điều 67.

9. Bãi bỏ Điều 68.

10. Bãi bỏ Điều 69.

11. Bãi bỏ Điều 70.

12. Bãi bỏ Điều 71.

13. Bãi bỏ Điều 72.

Điều 4. Bãi bỏ một số điều, điểm của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bưu chính như sau:

1. Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 11.

2. Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 12.

3. Bãi bỏ Điều 18.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2018.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). PC 105

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc